

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS - PT
Ngày: 10 - 11 - 2021
“V/v tranh chấp yêu cầu mở lối đi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bình.

Các Thẩm phán: Ông Trần Ngọc Tú và bà Thái Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Viện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 10/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (số 11 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, Tthành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2021/TLPT- DS ngày 28/7/2021, về việc “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2021/QĐ-PT ngày 21/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị P, sinh năm 1955 và ông Trần Văn L, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện P (nay là phường T, Tthành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện P (nay là Tthành phố H), tỉnh Thừa Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/6/1980 bà Dương Thị P và bà Nguyễn Thị P1 có hợp đồng nhận chuyển nhượng của ông Trần Đ và bà Lê Thị C một thửa đất thuộc thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi nhận quyền sử dụng đất từ ông Trần Đ và

bà Lê Thị C thì bà P và bà P1 đã phân thửa đất trên thành hai thửa và tiến hành bốc thăm, kết quả bốc thăm thửa đất của bà P nằm ở vị trí bên trong không có lối đi riêng, thửa đất của bà P1 nằm ở vị trí bên ngoài và có lối đi tiếp giáp với đường xóm. Sau đó cả hai tiến hành kê khai và được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002. Thửa đất của bà Dương Thị P là thửa đất số 41.2 thuộc tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có diện tích là 1.302 m². Trong đó đất ở 400m², đất nông nghiệp 902m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 087189 do UBND huyện P cấp ngày 04/9/2002). Quá trình sử dụng đất lâu nay, bà Dương Thị P không có lối đi và bà P tự mở một lối đi riêng vào thửa đất của mình trên phần đất của bà Nguyễn Thị P1, đi lâu ngày tạo thành lối mòn trên thửa đất của bà P1. Sau đó, bà P1 không cho bà P đi trên phần đất của bà P1 nữa, giữa các đương sự có bàn bạc, trao đổi nhưng không thỏa thuận được với nhau về việc cho mở lối đi vào thửa đất bà P. Do đó, hai bên đã phát sinh tranh chấp và đã được UBND xã hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu mở lối đi vào thửa đất của bà P, ông L trên phần đất của bà P1 vì thửa đất của bà P, ông L không có lối đi vào.

Tại biên bản hòa giải và biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị P1 trình bày: Bà P1 đồng ý cho bà P mở lối đi vào thửa đất của bà P trên thửa đất của bà P1 nhưng giá trị về đất là 15.000.000/m². Nếu không đồng ý với giá trị 15.000.000đồng/m² thì bà P1 không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 254, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95, Điều 100 Luật đất đai; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị P và ông Trần Văn L về việc “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị P1 phải giao cho bà Dương Thị P và ông Trần Văn L phần diện tích đất 30m² đất nông nghiệp (chiều rộng 2m, chiều dài 15m) để mở lối đi vào thửa đất của bà Dương Thị P và ông Trần Văn L (có sơ đồ kèm theo)

Bà Dương Thị P và ông Trần Văn L phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị P1 số tiền tương ứng diện tích đất 30m² là 5.000.000đồng/m² x 30m² = 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Bà Dương Thị P và ông Trần Văn L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập hồ sơ đăng ký biến động, có phần đất lối đi riêng như bản vẽ trên.

Kể từ ngày ông Trần Văn L và bà Dương Thị P hoàn thành nghĩa vụ bồi thường đầy đủ số tiền 150.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị P1 thì bà P1 phải bàn giao diện tích đất 30m² đất nông nghiệp để bà P, ông L sử dụng và liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đăng ký, biến động đất đai.

3. Về án phí: Buộc bà Dương Thị P và ông Trần Văn L phải chịu 5% x 150.000.000đồng = 7.500.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền mà bà P và ông L đã nộp tạm ứng án phí 750.000 đồng theo biên lai số 006771 ngày 23/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Số tiền còn lại 6.750.000đồng buộc ông L và bà P phải nộp.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.300.000đồng, nên cần chấp nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn. Số tiền này nguyên đơn đã nộp đủ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về việc thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/7/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị P1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà P1 phải dành một phần diện tích đất là 2 x 15 m = 30 m² để mở lối đi cho bà P, ông L đi qua là không hợp lý. bà P1 không đồng ý cho bà P, ông L mở lối đi qua phần đất của bà P1 phần đất mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà P1 phải cho bà P, ông L mở lối đi qua là phần đất bà P1 đã cho con gái của bà là Chị Lâm Thị Trâm N. Vì vậy bà P1 đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét xác định lại lối đi cho phù hợp.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, tại buổi làm việc vào ngày 20 tháng 10 năm 2021 nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận như sau:

Thông nhất về việc mở lối đi với diện tích, vị trí, kích thước các cạnh như bản vẽ thẩm định tại Tòa án cấp phúc thẩm ngày 07/10/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tthành phố H lập.

- Về loại đất của lối đi là đất Nông nghiệp

- Số đo từng chiều như sau: chiều tiếp giáp với đường đi có số đo 3,5m, chiều tiếp giáp với thửa đất 213 đối diện với đường đi có số đo 3,5m, chiều tiếp giáp với thửa đất 199-1 là 14,86m, chiều tiếp giáp với thửa đất 199-2 là 15,19m, diện tích mở lối đi theo bản vẽ là 52,5m²

Về giá trị đất nông nghiệp hai bên thống nhất giá thị trường là 2.000.000đồng/m².

- Về án phí, bên nguyên đơn tự nguyện chịu; về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ phía bị đơn tự nguyện chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau:

Ý kiến của bà Dương Thị P, ông Trần Văn L:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố buộc bà Nguyễn Thị P1 phải giao cho vợ chồng tôi phần diện tích đất 30m² đất nông nghiệp (chiều rộng 2m, chiều dài 15m) để mở lối đi vào thửa đất của chúng tôi là có căn cứ. Tuy nhiên theo quy định mới về việc mở lối đi thì lối đi vào phần đất của vợ chồng tôi phải có chiều rộng tối thiểu là 3,5 mét nên chúng tôi yêu cầu mở lối đi vào phần đất của chúng tôi qua phần đất của bà P1 có diện tích như Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tthành phố H đã đo vẽ vào ngày 07/10/2021, với diện tích là 52,5m².

Vợ chồng chúng tôi sẽ trả cho bà P1 giá trị về đất để mở lối đi là 52,5m² x 2.000.000đồng/1m² = 105.000.000đồng.

Vợ chồng tôi sẽ có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập hồ sơ đăng ký biến động, có phần đất lối đi riêng như bản vẽ.

Kể từ ngày vợ chồng chúng tôi hoàn thành nghĩa vụ bồi thường đầy đủ số tiền 105.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị P1 thì bà P1 phải bàn giao diện tích đất 52,5m² đất nông nghiệp để chúng tôi sử dụng và liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đăng ký, biến động đất đai.

Vợ chồng chúng tôi tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị P1:

Tôi (P1) nhất trí như ý kiến của vợ chồng bà Dương Thị P, ông Trần Văn L. Tôi đồng ý để cho vợ chồng bà P, ông L mở một lối đi cho thửa đất của bà P, ông L qua phần đất của tôi với diện tích là 52,5m² có số đo các chiều như bản vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 07/10/2021.

Vợ chồng bà P, ông L phải trả cho tôi số tiền tương đương với phần diện tích đất để mở lối đi là 105.000.000đồng.

Tôi sẽ có trách nhiệm phối hợp với vợ chồng bà P, ông L để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật sau khi bà P, ông L trả đầy đủ số tiền 105.000.000đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị P1 được làm trong thời hạn luật định. Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các bên đương sự đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đều thống nhất thỏa thuận bà Nguyễn Thị P1 đồng ý để vợ chồng bà Dương Thị P, ông Trần Văn

L mở một lối đi cho thửa đất của bà P, ông L qua phần đất của bà P1 với diện tích là $52,5\text{m}^2$, chiều dài các cạnh như bản vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tthành phố H lập ngày 07/10/2021; Bà P, ông L có nghĩa vụ trả cho bà P1 số tiền tương ứng với diện tích đất là 105.000.000đồng; Bà P1 phải cung cấp các giấy tờ liên quan và phối hợp với bà P, ông L để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; về án phí: Bà P, ông L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; bà P1 tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm. Do đó, để tôn trọng sự tự định đoạt của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bà P1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tính hợp pháp của kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị đơn có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 271, 272; trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được chấp nhận để đưa ra xét xử phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi” và thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đều thống nhất ý kiến như văn bản làm việc vào ngày 20 tháng 10 năm 2021. Đồng thời, các bên thỏa thuận bà Nguyễn Thị P1 đồng ý để vợ chồng bà Dương Thị P, ông Trần Văn L mở một lối đi cho thửa đất của bà P, ông L qua phần đất của bà P1 với diện tích là $52,5\text{m}^2$, số đo các chiều như bản vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tthành phố H lập ngày 07/10/2021; Giá trị về đất nông nghiệp các bên thỏa thuận là 2.000.000đồng/ m^2 , bà P, ông L có nghĩa vụ trả cho bà P1 số tiền tương ứng với diện tích đất mở lối đi là $52,5\text{m}^2 \times 2.000.000\text{đồng} = 105.000.000\text{đồng}$; Bà P1 phải cung cấp các giấy tờ liên quan và phối hợp với bà P, ông L để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật sau khi bà P, ông L trả đủ số tiền cho bà P1;

Do đó, Hội đồng xét xử xét việc tự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận để chấp nhận một phần kháng cáo của bà P1, sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bà P, ông L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là $105.000.000\text{đồng} \times 5\% = 5.250.000\text{đồng}$. Được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 750.000đồng (Biên lai thu tiền số 006771 ngày 23/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế). Bà P, ông L còn phải nộp 4.500.000đồng;

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Biên lai thu tiền số 2763 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế).

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà P1 đã nộp và tự nguyện chịu toàn bộ.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 148, Điều 157, khoản 1, khoản 2 Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 9 và Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95, Điều 100 Luật đất đai; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận một phần kháng cáo của bà P1; Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu mở lối đi.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của bà Dương Thị P, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị P1, cụ thể như sau:

[2.1] Bà Nguyễn Thị P1 đồng ý cho vợ chồng bà Dương Thị P, ông Trần Văn L mở một lối đi cho thửa đất của bà P, ông L qua phần đất của bà P1 với diện tích là $52,5\text{m}^2$, số đo các chiều theo bản vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H lập ngày 07/10/2021; Cụ thể số đo từng chiều như sau:

+Chiều tiếp giáp với đường đi có số đo 3,5m;

+Chiều tiếp giáp với thửa đất 213 đối diện với đường đi có số đo 3,5m;

+Chiều tiếp giáp với thửa đất 199-1 là 14,36m;

+Chiều tiếp giáp với thửa đất 199-2 là 15,19m;

Diện tích lối đi là 52,5m²;

Về loại đất của lối đi là đất Nông nghiệp (có sơ đồ kèm theo).

[2.2] Bà Dương Thị P, ông Trần Văn L thỏa thuận trả cho bà Nguyễn Thị P1 số tiền: 105.000.000đồng;

[2.3] Bà P1 phải cung cấp các giấy tờ liên quan và phối hợp với bà P, ông L để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật sau khi bà P, ông L trả đầy đủ số tiền 105.000.000đồng;

[3] Về án phí: : Bà P, ông L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 5.250.000đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 750.000đồng (Biên lai thu tiền số 006771 ngày 23/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế). Bà P, ông L còn phải nộp 4.500.000đồng;

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Biên lai thu tiền số 2763 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế).

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà P1 đã nộp và tự nguyện chịu toàn bộ.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT - Huế;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS huyện P, tỉnh TT - Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ hành chính - Tư pháp;
- Lưu Tòa Dân sự.

Trần Hưng Bính

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hưng Bính

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT - Huế;
- TAND huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS huyện P, tỉnh TT - Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ hành chính - Tư pháp;
- Lưu Tòa Dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hưng Bính

